

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **07/2021/NQ-HĐND**

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân
các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 29/TTr-BVHXXH ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 123/BC-KTNS ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Trường hợp một đối tượng đủ điều kiện được hưởng nhiều mức chi thì chỉ được hưởng mức cao nhất (kể cả đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp).

2. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Kinh phí thực hiện chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; được phân bổ trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và được thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Mức chi cho hoạt động Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã tại Nghị quyết này là mức chi tối đa. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương, dự toán kinh phí được giao hàng năm và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định mức chi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Các chế độ chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân				
1	Chi nghiên cứu tài liệu cho đại biểu Hội đồng nhân dân phục vụ kỳ họp				
a)	Chủ tọa	Đồng/ Người/Kỳ họp	1.500.000	1.200.000	700.000
b)	Đại biểu	Đồng/ Người/Kỳ họp	1.200.000	800.000	500.000
2	Chi cho thư ký kỳ họp	Đồng/ Người/Kỳ họp	700.000	400.000	200.000
3	Chi báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận các tổ trình tại kỳ họp	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
II	Chi cho hoạt động thẩm tra				
1	Chi cho thành viên thẩm tra				
a)	Chủ trì thẩm tra	Đồng/ Người/Buổi	200.000	150.000	120.000
b)	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời, công chức Văn phòng phục vụ thẩm tra	Đồng/ Người/Buổi	150.000	120.000	100.000
2	Chi báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000
3	Chi chỉnh lý hoàn thiện các dự thảo nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thông qua	Đồng/Văn bản	300.000	200.000	100.000
III	Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát				
1	Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát				
a)	Trưởng đoàn	Đồng/ Người/Buổi	200.000	150.000	100.000
b)	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời, chuyên viên giúp việc của đoàn	Đồng/ Người/Buổi	150.000	120.000	80.000
c)	Nhân viên phục vụ đoàn	Đồng/ Người/Buổi	80.000	70.000	60.000
2	Chi xây dựng quyết định, kế hoạch, đề cương, nội dung giám sát	Đồng/ Cuộc	1.000.000	500.000	300.000
3	Chi soạn thảo báo cáo kết quả giám sát	Đồng/Văn bản	1.000.000	500.000	300.000
4	Chi xây dựng kế hoạch khảo sát hoặc thông báo kế	Đồng/	500.000	300.000	200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	hoạch khảo sát	Cuộc			
5	Chi soạn thảo báo cáo kết quả khảo sát hoặc thông báo kết quả khảo sát	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000
6	Chi nghiên cứu tài liệu giám sát cho đại biểu Hội đồng nhân dân				
a)	Trưởng đoàn	Đồng/Cuộc	800.000	600.000	350.000
b)	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Đồng/Cuộc	600.000	400.000	250.000
IV	Chi xây dựng nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình (trừ nghị quyết về chương trình giám sát, nghị quyết về nhân sự)	Đồng/Văn bản	1.000.000	500.000	300.000
V	Chi cho thành viên tham dự cuộc họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến kỳ họp				
1	Chủ trì	Đồng/ Người/Buổi	200.000	-	-
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời, công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Đồng/ Người/Buổi	150.000	-	-
VI	Chi xây dựng văn bản của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến kỳ họp	Đồng/Văn bản	500.000	-	-
VII	Chi tiếp xúc cử tri				
1	Chi hỗ trợ cho điểm tiếp xúc cử tri	Đồng/ Điểm	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Chi cho thành viên dự tiếp xúc cử tri				

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a)	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Đồng/ Người/ Buổi	150.000	100.000	80.000
b)	Các đại biểu khách mời, thư ký	Đồng/ Người/ Buổi	100.000	70.000	50.000
3	Chi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của từng tổ đại biểu	Đồng/Văn bản	300.000	200.000	100.000
4	Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp chung ý kiến cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000
VIII	Chi tiếp công dân				
1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	Đồng/ Người/ Buổi	150.000	100.000	80.000
2	Chi cho công chức, nhân viên phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân				
a)	Phục vụ trực tiếp	Đồng/ Người/ Buổi	80.000	70.000	60.000
b)	Phục vụ gián tiếp	Đồng/ Người/ Buổi	50.000	40.000	30.000
3	Chi viết báo cáo kết quả tiếp công dân	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000
4	Chi viết báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	Đồng/Văn bản	500.000	300.000	200.000
IX	Chi trang phục (cho một nhiệm kỳ)				
1	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được chi may 02 bộ lễ phục	Đồng/Bộ	10.000.000	7.000.000	5.000.000
2	Công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được chi	Đồng/Bộ	7.000.000	5.000.000	3.000.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	may 02 bộ lễ phục				
X	Chế độ báo chí và tài liệu tham khảo của đại biểu Hội đồng nhân dân	Đồng/ Người/ Tháng	250.000	250.000	250.000
XI	Chi hỗ trợ Internet - cước điện thoại cho đại biểu Hội đồng nhân dân	Đồng/ Người/ Tháng	500.000	300.000	200.000
XII	Các khoản chi thăm hỏi ốm đau, tang lễ do Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân cùng đi thăm (một đối tượng được thăm ốm đau, bệnh hiểm nghèo không quá 02 lần/người/năm)				
1	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm				
a)	Trường hợp ốm đau nằm điều trị tại bệnh viện	Đồng/ Người/Lần	1.000.000	1.000.000	1.000.000
b)	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo	Đồng/ Người/Lần	5.000.000	5.000.000	5.000.000
c)	Trường hợp tử trần (tiền phúng viếng)	Đồng/ Trường hợp	5.000.000	5.000.000	5.000.000
2	Đối với thân nhân là cha mẹ ruột, cha mẹ ruột của vợ (chồng); con ruột của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm				
a)	Trường hợp ốm đau nằm điều trị tại bệnh viện	Đồng/ Người/Lần	500.000	500.000	500.000
b)	Trường hợp tử trần (tiền phúng viếng)	Đồng/ Trường hợp	2.000.000	2.000.000	2.000.000
3	Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân là lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo chuyên trách các Ban Hội đồng nhân dân				
a)	Trường hợp ốm đau nằm điều trị tại bệnh viện	Đồng/ Người/Lần	1.000.000	1.000.000	1.000.000
b)	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo	Đồng/ Người/Lần	3.000.000	3.000.000	3.000.000
c)	Trường hợp tử trần (tiền	Đồng/	3.000.000	3.000.000	3.000.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	phúng viếng)	Trường hợp			
d)	Trường hợp thân nhân là cha mẹ ruột, cha mẹ ruột của vợ (chồng), con ruột của nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân là lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo chuyên trách các Ban Hội đồng nhân dân từ trần (tiền phúng viếng)	Đồng/ Trường hợp	2.000.000	2.000.000	2.000.000
XIII	Chi cho công tác xã hội (Đối tượng được thăm hỏi, tặng quà là gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ lão thành cách mạng, gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh; các tập thể, cá nhân thuộc diện bảo trợ xã hội và một số trường hợp đặc biệt khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định)				
1	Đối với tập thể	Đồng/Suất	5.000.000	3.000.000	2.000.000
2	Đối với cá nhân	Đồng/Suất	1.000.000	700.000	500.000
XIV	Chi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, đột xuất ngoài kế hoạch đào tạo của đơn vị, được thanh toán tiền học phí, lệ phí theo chứng từ thực tế của đơn vị tổ chức.				
XV	Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe cho đại biểu Hội đồng nhân dân (không đủ tiêu chuẩn khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)				
1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm	Đồng/ Người/ Năm	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân không tái cử trong năm chuyển giao nhiệm kỳ	Đồng/ Người	500.000	500.000	500.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
XVI	Một số nội dung chi khác				
1	Ngoài những quy định trên đây, những trường hợp đột xuất hoặc cần thiết khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.				
2	Các khoản chi khác (dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào, thuê mướn, sửa chữa, chi tiếp khách và các nội dung khác) phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân được thanh toán theo thực tế.				
3	Chi mua thiết bị điện tử tin học phục vụ hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân				
a)	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp một thiết bị điện tử tin học để phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, chủng loại và giá trị máy do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.				
b)	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được cấp một thiết bị điện tử tin học để phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, căn cứ vào khả năng kinh phí của địa phương; chủng loại và giá trị máy do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.				

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 01 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 10 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh